

Số: 1208/TBHH-CVHHQN

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về việc thay đổi vị trí báo hiệu hàng hải số 1, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 22, 23, E luồng hàng hải công cộng Cẩm Phả

Vùng biển : Quảng Ninh
Tên luồng : Luồng hàng hải công cộng Cẩm Phả
Tên báo hiệu : số 1, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 22, 23, E

STT	Tên phao	Hệ VN2000		Hệ WGS84	
		Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
1	1	20°44'16,8"	107°14'19,3"	20°44'13,2"	107°14'26,0"
2	3	20°44'59,7"	107°14'43,8"	20°44'56,1"	107°14'50,5"
3	4	20°45'03,1"	107°14'37,0"	20°44'59,5"	107°14'43,8"
4	5	20°45'52,1"	107°15'13,6"	20°45'48,5"	107°15'20,4"
5	6	20°45'55,5"	107°15'06,9"	20°45'51,9"	107°15'13,7"
6	8	20°46'47,9"	107°15'36,9"	20°46'44,3"	107°15'43,7"
7	10	20°47'40,4"	107°16'6,8"	20°47'36,8"	107°16'13,6"
8	12	20°48'32,8"	107°16'36,8"	20°48'29,2"	107°16'43,6"
9	14	20°49'25,2"	107°17'6,7"	20°49'21,6"	107°17'13,5"
10	16	20°50'17,6"	107°17'36,7"	20°50'14,0"	107°17'43,5"
11	E	20°50'45,1"	107°17'49,6"	20°50'41,5"	107°17'56,4"
12	22	20°53'41,7"	107°16'16,7"	20°53'38,1"	107°16'23,5"
13	23	20°55'42,6"	107°17'37,2"	20°55'37,7"	107°17'41,8"

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Xét đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải số 5097/VMSC-ATHH đề ngày 07/10/2026 của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam,

Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh thông báo điều chỉnh vị trí các phao báo hiệu số 1, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 22, 23, E luồng hàng hải công cộng Cẩm Phả về vị trí thiết kế mới với có tọa độ như sau:

Stt	Tên phao	Hệ VN2000		Hệ WGS84	
		Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
1	1	20°43'50,6"	107°14'05,3"	20°43'47,0"	107°14'12,1"
2	3	20°44'59,5"	107°14'44,2"	20°44'55,9"	107°14'50,9"
3	4	20°45'03,6"	107°14'36,3"	20°45'00,0"	107°14'43,1"
4	5	20°45'51,4"	107°15'13,5"	20°45'47,8"	107°15'20,3"
5	6	20°45'56,0"	107°15'06,0 "	20°45'52,4"	107°15'12,7"
6	8	20°46'48,9"	107°15'35,9"	20°46'45,3"	107°15'42,7"
7	10	20°47'41,1"	107°16'05,5"	20°47'37,5"	107°16'12,2"
8	12	20°48'33,8"	107°16'35,3"	20°48'30,2"	107°16'42,1"
9	14	20°49'26,2"	107°17'05,0"	20°49'22,6"	107°17'11,8"
10	16	20°50'31,0"	107°17'41,7"	20°50'27,4"	107°17'48,5"
11	E	20°50'45,0"	107°17'47,9"	20°50'41,3"	107°17'54,6"
12	22	20°53'45,0"	107°16'23,1"	20°53'41,4"	107°16'29,8"
13	23	20°55'19,2"	107°17'23,2"	20°55'15,6"	107°17'30,0"

Các đặc tính khác của các phao báo hiệu nêu trên không thay đổi (Tham khảo thông báo hàng hải số 2443/TBHH-BĐATHHVN ngày 24/12/2002 của Bảo đảm an toàn Hàng hải Việt Nam; số 1206/TBHH-CVHHQN ngày 09/10/2026 của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh việc thay đổi số hiệu các phao báo hiệu trên luồng hàng hải công cộng Cẩm Phả số 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 17, 18, 19).

Ghi chú: Truy cập nội dung Thông báo hàng hải tại địa chỉ <https://cangvuhanghaiquangninh.gov.vn/>.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Các Cảng vụ hàng hải;
- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam (thông báo trên website);
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc – Hoa tiêu III;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- UBND thành phố Quảng Ninh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Quảng Ninh;
- Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố Quảng Ninh;
- Các Cảng vụ đường thủy nội địa;
- Các Đài Thông tin duyên hải: Hòn Gai, Cửa Ông, Móng Cái;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Quảng Ninh;
- Sở Xây dựng thành phố Quảng Ninh;
- Cảng vụ Đường thủy và Đăng kiểm phương tiện thủy nội địa thành phố Quảng Ninh;
- Công an thành phố Quảng Ninh;
- Giám đốc (đề b/cáo);
- Các Đại diện: Bắc Luân, Móng Cái, Cẩm Phả, Quảng Yên (t/h);
- Phòng TTTT (t/h, để đăng tải website);
- Phòng ATANHH;
- Lưu: VT, QLKCHT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tạ Văn Thanh